

Số: 17/2024/NQ-HĐND

Ninh Thuận, ngày 30 tháng 9 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Quy định thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản, vật tiêu hao, hàng hóa, dịch vụ và quản lý tài sản công trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN
KHÓA XI KỲ HỌP THỨ 20**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ Quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2024 của

Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất;

Căn cứ Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 51/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 57/2018/TT-BTC ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện một số Điều của Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Xét Tờ trình số 124/TTr-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản, vật tiêu hao, hàng hóa, dịch vụ và quản lý tài sản công trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế-Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này Quy định thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản, vật tiêu hao, hàng hóa, dịch vụ và quản lý tài sản công trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

b) Đối với vật tiêu hao, hàng hóa, dịch vụ mà pháp luật chuyên ngành đã quy định cụ thể về thẩm quyền quyết định việc mua sắm, thì thực hiện theo thẩm quyền của pháp luật chuyên ngành và pháp luật khác có liên quan.

c) Đối với việc mua sắm các loại tài sản và hàng hóa thuộc danh mục mua sắm tập trung thực hiện theo quy định của Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Tài chính, quy định của UBND tỉnh và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan nhà nước; Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội; Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh;

b) Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác có liên quan đến mua sắm tài sản, vật tiêu hao, hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

Điều 2. Thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản, vật tiêu hao, hàng hóa, dịch vụ sử dụng ngân sách nhà nước đối với nguồn kinh phí thuộc phạm vi quản lý của tỉnh (không bao gồm các trường hợp quy định tại Điều 4 Nghị quyết này)

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định:

a) Trụ sở làm việc cơ quan nhà nước, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô, các loại phương tiện vận tải khác;

b) Các tài sản, vật tiêu hao, hàng hóa, dịch vụ có giá trị từ 05 tỷ đồng trở lên/gói thầu.

2. Thủ trưởng Sở, Ban, ngành, Đoàn thể, Hội cấp tỉnh và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND huyện, thành phố quyết định mua sắm tài sản, vật tiêu hao, hàng hóa, dịch vụ có giá trị dưới 05 tỷ đồng/gói thầu (trừ các tài sản quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này).

3. Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Sở, Ban, ngành, Đoàn thể, Hội cấp tỉnh và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh quyết định mua sắm tài sản, vật tiêu hao, hàng hóa, dịch vụ có giá trị dưới 500 triệu đồng/gói thầu (trừ các tài sản quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này).

4. Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định mua sắm tài sản, vật tiêu hao, hàng hóa, dịch vụ có giá trị dưới 200 triệu đồng/gói thầu (trừ các tài sản quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này).

Điều 3. Thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản, vật tiêu hao, hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập (không bao gồm các trường hợp quy định tại Điều 4 Nghị quyết này)

1. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước hoặc sử dụng nhiều nguồn vốn trong đó có nguồn ngân sách nhà nước:

a) Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh quyết định mua sắm theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này;

b) Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở, Ban, ngành, Đoàn thể, Hội cấp tỉnh quyết định mua sắm theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết này;

c) Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND các huyện, thành phố thẩm quyền quyết định mua sắm theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị quyết này.

2. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nguồn từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, nguồn thu hoạt động sự nghiệp, nguồn vốn vay, vốn huy động và từ nguồn tài chính hợp pháp theo quy định của pháp luật để phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp và hoạt động kinh doanh của đơn vị: Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định mua sắm tài sản, vật tiêu hao, hàng hóa, dịch vụ (trừ các tài sản quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này) và tự phê duyệt dự toán mua sắm.

Điều 4. Thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản, vật tiêu hao của

các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước đối với nguồn kinh phí thuộc phạm vi quản lý của tỉnh; mua sắm vật tiêu hao, hàng hóa, dịch vụ đối với nguồn kinh phí khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh (bao gồm cả việc mua sắm tại cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý và cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không thuộc phạm vi quản lý của tỉnh)

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm tài sản, vật tiêu hao, hàng hóa, dịch vụ có giá trị từ 05 tỷ đồng trở lên/gói thầu.

2. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định mua sắm tài sản, vật tiêu hao, hàng hóa, dịch vụ có giá trị từ 200 triệu đồng đến dưới 05 tỷ đồng/gói thầu.

3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức chủ trì chịu trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quyết định việc mua sắm tài sản, vật tiêu hao, hàng hóa, dịch vụ có giá trị dưới 200 triệu đồng/gói thầu.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định quản lý tài sản công

1. Thẩm quyền thuê trụ sở làm việc cơ quan nhà nước, cơ sở hoạt động sự nghiệp, tài sản khác phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thuê trụ sở làm việc cơ quan nhà nước, cơ sở hoạt động sự nghiệp có giá trị thuê từ 2.000 triệu đồng (hai tỷ đồng) trở lên/năm;

b) Thủ trưởng Sở, Ban, ngành, Đoàn thể, Hội cấp tỉnh và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố quyết định thuê trụ sở làm việc cơ quan nhà nước, cơ sở hoạt động sự nghiệp có giá trị thuê dưới 2.000 triệu đồng (hai tỷ đồng)/năm;

c) Cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định thuê tài sản khác theo quy định của pháp luật, để thực hiện nhiệm vụ trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Thẩm quyền thu hồi tài sản công:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi các loại tài sản:

- Trụ sở làm việc cơ quan nhà nước, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

- Xe ô tô, các loại phương tiện vận tải khác;

- Các loại tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 2.000 triệu đồng (Hai tỷ đồng) trở lên/01 đơn vị tài sản.

b) Giám đốc Sở Tài chính quyết định thu hồi các loại tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 2.000 triệu đồng (Hai tỷ đồng)/01 đơn vị tài sản của các Sở, Ban, ngành, Đoàn thể, Hội cấp tỉnh và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh (trừ các loại tài sản quy định tại điểm a, khoản này).

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định thu hồi các loại tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 2.000 triệu đồng (Hai tỷ đồng)/01 đơn vị tài sản của các đơn vị trực thuộc, Ủy ban nhân dân cấp xã (trừ các loại tài sản quy định tại điểm a, khoản này).

3. Thẩm quyền điều chuyển tài sản công:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển các loại tài sản:

- Trụ sở làm việc cơ quan nhà nước, cơ sở hoạt động sự nghiệp;
- Xe ô tô, các loại phương tiện vận tải khác.

b) Giám đốc Sở Tài chính quyết định điều chuyển các loại tài sản giữa các Sở, Ban, ngành, Đoàn thể, Hội cấp tỉnh và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh; giữa cơ quan cấp tỉnh và cấp huyện; giữa các huyện, thành phố thuộc tỉnh (trừ các loại tài sản quy định tại điểm a, khoản này).

c) Thủ trưởng Sở, Ban, ngành, Đoàn thể, Hội cấp tỉnh và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh quyết định điều chuyển tài sản giữa các đơn vị trực thuộc (trừ các loại tài sản quy định tại điểm a, khoản này).

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định điều chuyển tài sản giữa các đơn vị trực thuộc và giữa Ủy ban nhân dân cấp xã thuộc phạm vi quản lý (trừ các loại tài sản quy định tại điểm a, khoản này).

4. Thẩm quyền bán tài sản công:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán các loại tài sản công:

- Trụ sở làm việc cơ quan nhà nước, cơ sở hoạt động sự nghiệp;
- Xe ô tô, các loại phương tiện vận tải khác;
- Các loại tài sản cố định khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 2.000 triệu đồng (Hai tỷ đồng) trở lên/01 đơn vị tài sản.

b) Thủ trưởng Sở, Ban, ngành, Đoàn thể, Hội cấp tỉnh và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định bán tài sản cố định có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 2.000 triệu đồng (Hai tỷ đồng)/01 đơn vị tài sản (trừ các loại tài sản quy định tại điểm a, khoản này).

5. Thẩm quyền quyết định giá trị của tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước, cơ sở hoạt động sự nghiệp:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

6. Thẩm quyền thanh lý tài sản công là tài sản công:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý các loại tài sản công:

- Trụ sở làm việc cơ quan nhà nước, cơ sở hoạt động sự nghiệp;
- Xe ô tô, các loại phương tiện vận tải khác.

b) Giám đốc Sở Tài chính quyết định thanh lý tài sản cố định có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 2.000 triệu đồng (Hai tỷ đồng) trở lên/01 đơn vị tài sản (trừ các loại tài sản cố định quy định tại điểm a, khoản này).

c) Thủ trưởng Sở, Ban, ngành, Đoàn thể, Hội cấp tỉnh và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh quyết định thanh lý tài sản cố định có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 2.000 triệu đồng (Hai tỷ đồng)/01 đơn vị tài sản (trừ các loại tài sản quy định tại điểm a, khoản này).

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định thanh lý các loại tài sản cố định có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 2.000 triệu đồng (Hai tỷ đồng)/01 đơn vị tài sản thuộc cấp huyện và cấp xã.

đ) Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Sở, Ban, ngành, Đoàn thể, Hội cấp tỉnh và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh; Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý tài sản cố định có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 200 triệu đồng (Hai trăm triệu đồng)/01 đơn vị tài sản (trừ các loại tài sản quy định tại điểm a, khoản này).

e. Thẩm quyền thanh lý nhà làm việc cơ quan nhà nước, cơ sở hoạt động sự nghiệp, tài sản gắn liền với đất không phù hợp phải tháo dỡ để sửa chữa, nâng cấp, mở rộng:

- Thủ trưởng Sở, Ban, ngành, Đoàn thể, Hội cấp tỉnh và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh quyết định thanh lý các loại tài sản thuộc phạm vi quản lý;

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định thanh lý các loại tài sản thuộc cấp huyện và cấp xã.

7. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiêu hủy các loại tài sản công:

- Trụ sở làm việc cơ quan nhà nước, cơ sở hoạt động sự nghiệp;
- Xe ô tô, các loại phương tiện vận tải khác;
- Tài sản cố định khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 2.000 triệu đồng (Hai tỷ đồng) trở lên/01 đơn vị tài sản.

c) Thủ trưởng Sở, Ban, ngành, Đoàn thể, Hội cấp tỉnh và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định tiêu hủy tài sản cố định khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 2.000 triệu đồng (Hai tỷ đồng)/01 đơn vị tài sản (trừ các loại tài sản cố định quy định tại điểm a, khoản này).

8. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công bị mất, bị hủy hoại:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý các loại tài sản công:

- Trụ sở làm việc cơ quan nhà nước, cơ sở hoạt động sự nghiệp;
- Xe ô tô, các loại phương tiện vận tải khác;
- Các loại tài sản cố định khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 2.000 triệu đồng (Hai tỷ đồng) trở lên/01 đơn vị tài sản.

b) Thủ trưởng Sở, Ban, ngành, Đoàn thể, Hội cấp tỉnh và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định xử lý tài sản cố định có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 2.000 triệu đồng (Hai tỷ đồng)/01 đơn vị tài sản (trừ các loại tài sản quy định tại điểm a, khoản này).

9. Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khai thác tài sản công tại cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập (trừ các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên).

10. Thẩm quyền phê duyệt phương án giao, điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc phạm vi quản lý của địa phương; bán; thanh lý; tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án của Ban quản lý dự án cấp tỉnh;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt phương án của Ban quản lý dự án cấp huyện.

11. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân do cơ quan thi hành án cấp tỉnh chuyển giao:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định:

- Trụ sở làm việc cơ quan nhà nước, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

- Xe ô tô, các loại phương tiện vận tải khác (trừ các loại xe gắn máy và các phương tiện xe thô sơ);

- Các loại tài sản khác có giá trị còn lại từ 100 triệu đồng (một trăm triệu đồng) trở lên/01 đơn vị tài sản.

b) Sở Tài chính quyết định: Các loại tài sản có giá trị còn lại dưới 100 triệu đồng (một trăm triệu đồng)/01 đơn vị tài sản (trừ các loại tài sản quy định tại điểm a, khoản này).

12. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân do các cơ quan, đơn vị quyết định tịch thu theo quy định tại điểm c khoản 1, điểm c khoản 2 và điểm c khoản 3 Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân:

Sở, Ban, ngành, cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố ban hành quyết định tịch thu, quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

13. Lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với tang vật vi phạm hành chính là hàng hóa, vật phẩm dễ bị hư hỏng bị tịch thu theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Thông tư số 57/2018/TT-BTC ngày 05/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân:

Đơn vị chủ trì quản lý tài sản lập, phê duyệt phương án xử lý và tổ chức thực hiện theo quy định.

14. Thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng:

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng.

15. Thẩm quyền quyết định cho thuê quyền khai thác và xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi:

Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi và xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc địa phương quản lý.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn triển khai thực hiện nghị quyết theo quy định pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Đối với hồ sơ mua sắm tài sản, vật tiêu hao, hàng hóa, dịch vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì được tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo theo quy định.

2. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận Khóa XI Kỳ họp thứ 20 thông qua ngày 30 tháng 9 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 30 tháng 10 năm 2024; thay thế Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định phân cấp quản lý tài sản công của tỉnh Ninh Thuận, Nghị quyết số 32/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 2 Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư Pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh; UBNDTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Trang thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng Công tác HĐND.

CHỦ TỊCH



Phạm Văn Hậu